

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Mai Hương

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2024/TLST-HS ngày 02/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/QĐXXST-HS ngày 27/02/2024 đối với bị cáo:

Hồ Hoàng N; Sinh năm 1992; CCCD: 079092019024; Nơi sinh: Long An; Thường trú: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Hoàng H và bà Phạm Thị Thu T; Vợ: Huỳnh Thị Cẩm N1, 01 con sinh năm 2018; Tiền án; Tiền sự: không; Tạm giam, tạm giữ từ ngày 25/8/2023.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: E đường F, khu phố C, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị Á T2, sinh năm 1997

Địa chỉ: A đường A, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1988

Địa chỉ: I đường D L, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- Công ty TNHH S

Trụ sở: A25 P, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Hoàng N và Trần Thị Á T2 có mối quan hệ tình cảm, T2 là nhân viên làm việc tại khách sạn S1 địa chỉ A, Đường A, phường T, T 17/8/2023, Hồ Hoàng N đến khách sạn S1 địa chỉ A, Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố H chung phòng 207 với Trần Thị Á T2. Ngày 22/08/2023, N thấy công an đến khách sạn S1 để kiểm tra hoạt động mại dâm và mời một số đối tượng có nghi vấn về Công an phường làm việc. Do đó, N đã nảy sinh ý định lừa chủ khách sạn lấy tiền tiêu sài cá nhân. N đã dùng thủ đoạn như sau: N sử dụng điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12, màu trắng của mình vào Internet thông qua trình duyệt Safari tìm kiếm số điện thoại của chủ khách sạn S1 2 số 0942339223, gọi cho chủ khách sạn, đưa ra các thông tin mà N biết về việc Công an phường kiểm tra khách sạn để chủ khách sạn lầm tưởng N là Công an và sau đó, chiếm đoạt tài sản.

Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 23/08/2023, tại khách sạn S1 địa chỉ A Đường A, phường T, thành phố T, T sử dụng số điện thoại 0964667197 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T1 là chủ các khách sạn S1, 2 và nói *“Khách sạn S1 bên anh sao nay đưa mấy đứa về bên đông vậy? bên S mới bị kiểm tra, bắt hai đứa đưa về phường. Anh làm gì mà tui tui không biết”, “bây giờ đang căng, trình sát nó gài người bắt mại dâm tại trận luôn đó, thôi tạm ngưng 03 ngày đi rồi tính tiếp”*. Nghe vậy, anh T1 lầm tưởng N là người quen làm Công an, nên có đề cập vấn đề nhờ N giúp đỡ. Sau cuộc gọi cho anh T1 thì N nghe nhân viên khách sạn nói với nhau là tạm nghỉ hoạt động của khách sạn 03 ngày nên N biết anh T1 đã tin tưởng. N tiếp tục gọi điện thoại, nhắn tin cho anh T1, đưa ra nhiều lý do như *“chiều đi đám giỗ nhà sếp cần mua rượu”, “Mượn tiền đóng tiền học cho con”, “sếp có cây bon sai cần bán”* và yêu cầu anh T1 chuyển tiền vào số tài khoản 0251002693761 chủ tài khoản Nguyễn Thanh H1 (là anh rể T2) mở tại Ngân hàng V cho T2 quản lý và sử dụng. Cụ thể, N đã yêu cầu anh T1 chuyển số tiền như sau:

- Ngày 23/8/2023, N yêu cầu anh T1 chuyển 04 lần với tổng số tiền là 31.000.000 đồng, bao gồm: Lần 1, chuyển 6.000.000 đồng; Lần 2, chuyển 10.000.000 đồng; Lần 3, chuyển 10.000.000 đồng; Lần 4, chuyển 5.000.000 đồng (Cho Trần Thị Á T2 nên T2 không chuyển khoản lại).

- Ngày 24/4/2023, N yêu cầu anh T1 đã chuyển tiền cho N 02 lần với tổng số tiền là 33.000.000 đồng, bao gồm: Lần 1, N yêu cầu chuyển 30.000.000 đồng, anh T1 chuyển hai lần là 20.000.000 đồng và 10.000.000 đồng; Lần 2, chuyển 3.000.000 đồng.

Sau mỗi lần T2 nhận tiền anh T1 chuyển tới số tài khoản của mình sử dụng thì T2 chuyển lại vào số tài khoản 104872594391 Ngân hàng V1 do Hồ Hoàng N đứng tên chủ tài khoản (Trước khi nhận tiền từ tài khoản của T2 tài khoản Hồ Hoàng N có 665.909 đồng). Mỗi lần chuyển, T2 đều chụp lại số tiền được chuyển đến, chuyển đi gửi qua tin nhắn “Zalo” cho N biết và T2 đã chuyển khoản lại cho N với tổng số tiền 59.000.000 đồng, còn lại N cho T2 giữ lại 5.000.000 đồng để tiêu sài. Ngày 24/8/2023, N thuê xe ô tô Mercedes-Benz màu Trắng biển số 51G-698.18 do anh Hoàng Trung H2 điều khiển để đi lại. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, N tiếp tục gọi điện đòi anh T1 chuyển khoản cho N 13.000.000 đồng. Lúc này, anh T1 đang ở C nghi ngờ bị lừa nên điện thoại báo toàn bộ nội dung sự việc cho Công an phường L biết và chỉ điểm điểm hẹn đưa tiền cho N. Sau khi N được anh Hoàng Trung H2 đưa đến điểm hẹn thì bị Công an phường L mời N về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Hồ Hoàng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, N cho biết Nghiêm một mình thực hiện tội phạm, Trần Thị Á T2 không biết số tiền chuyển vào tài khoản T2 sử dụng là tiền N phạm tội mà có.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz màu trắng, biển số 51G-698.18 Chủ sở hữu là Công ty TNHH S2 Điện tin, có đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Quốc T3, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông Đỗ Quốc T3.

- 01 (một) Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12, màu trắng, loại bộ nhớ trong 64 GB, có gắn 01 sim số thuê bao: 0964667197 của Hồ Hoàng N.

- 01 (một) Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7, màu vàng, loại bộ nhớ trong 128 GB có gắn 01 sim số thuê bao: 0375513797 của Trần Thị Á T2.

- 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 9704150102164905 của Hồ Hoàng N.

- 01 quần dài tây màu đen; 01 áo sơ mi trắng ngắn tay có cầu vai bốn sọc vàng; 01 dây nịt màu đen hiệu Yody; 01 đôi giày cao có màu đen hiệu Hồng Thanh.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T1 sau khi nhận lại 64.000.000 đồng của bà Phạm Thị Thu T (mẹ ruột của Hồ Hoàng N) đã viết đơn bãi nại cho N, không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 94/CT – VKS ngày 01/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Hồ Hoàng N về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đồng thời đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị tịch thu 01 điện thoại của bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo 01 thẻ ngân hàng; Trả lại cho chị Trần Thị Á Tiên 01 điện thoại di động không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; Tịch thu tiêu hủy với số vật chứng không còn giá trị sử dụng; Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong các ngày 23/8/2023 và 24/8/2023, tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hồ Hoàng N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, làm cho anh Nguyễn Văn T1 lầm tưởng N là người quen làm Công an. N đã 06 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt của anh T1 tổng cộng 64.000.000 đồng nên đã phạm vào tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

Đối với Nguyễn Văn H3 cho Trần Thị Á T2 mượn tài khoản để sử dụng, không liên quan tới việc N lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với Trần Thị Á T2 cho Hồ Hoàng N mượn tài khoản để nhận tiền, sau đó chuyển tiền lại cho Hồ Hoàng N. Tuy nhiên, T2 không biết việc N lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T1. Do đó, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với T2.

Đối với Nguyễn Văn T1 có hành vi đưa hối lộ cho N do bị lừa dối, tuy nhiên đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T1 là có cơ sở.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả được bị hại bãi nại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 (một) Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12, màu trắng 64 GB, có gắn 01 sim số: 0964667197 của Hồ Hoàng N sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho Trần Thị Á T2 01 (một) Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7, màu vàng 128 GB, có gắn 01 sim số thuê bao: 0375513797;

- Trả lại cho Hồ Hoàng N 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 9704150102164905.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng;

- Ghi nhận việc bị hại đã được gia đình bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì thêm;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: công ty TNHH S đã nhận lại tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes – Benz không có yêu cầu gì nên được ghi nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Hồ Hoàng N phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Hồ Hoàng N: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023.

2- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào nhân sách nhà nước đối với: 01 (một) Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12, màu trắng 64GB, gắn 01 sim số: 0964667197 của Hồ Hoàng N;

- Trả lại cho Trần Thị Á T2 01 (một) Điện thoại di động hiệu Apple Iphone 7, màu vàng 128 GB có gắn sim số: 0375513797;

- Trả lại cho Hồ Hoàng N 01 thẻ ATM ngân hàng V1 số 9704150102164905;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần dài tây màu đen; 01 áo sơ mi trắng ngắn tay có cầu vai bốn sọc vàng; 01 dây nịt màu đen hiệu Yody; 01 đôi giày cao có màu đen hiệu Hồng Thanh.

(Theo phiếu nhập kho số NK24/162C ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

3- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;

TOÀ

- Sở Tư pháp TP . HCM;

- VKSND TP . Hồ Chí Minh;

- VKSND TP . Thủ Đức;

- Cơ quan CSĐT Công an TP . Thủ Đức;

- Nhà tạm giữ Công an TP . Thủ Đức;

- Cơ quan THA.HS Công an TP . Thủ Đức;

- Chi cục THA.DS thành phố Thủ Đức;

- Người tham gia tố tụng;

- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN**

Đinh Khắc Hưng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN

